

Báo cáo thị trường tiền tệ

USDVND thận trọng trước “Ngày Giải phóng” của Mỹ

NHNN bơm thanh khoản khiêm tốn

Trong tuần 13W25 (từ ngày 24 đến 28/3), NHNN ghi nhận hoạt động bơm ròng thanh khoản vào hệ thống ngân hàng ở mức vừa phải. Cụ thể, NHNN đã bơm ròng 0.8 nghìn tỷ đồng thông qua việc phát hành 53.09 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn để bù đắp cho 52.30 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn, trong khi không sử dụng tín phiếu.

Lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm mạnh

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn ngắn giảm, trong khi các kỳ hạn dài có xu hướng tăng, đi kèm với sự gia tăng về khối lượng giao dịch so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm, kỳ hạn 2 tuần và 1 tháng lần lượt giảm 90 đcb, 10 đcb và 10 đcb, xuống mức 3.15%, 4.20% và 4.20%. Ngược lại, lãi suất kỳ hạn 6 tháng và 9 tháng tăng lần lượt 10 đcb và 20 đcb, lên mức 4.90% và 5.00%. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 482.37 nghìn tỷ đồng, tăng 3.42% so với tuần trước.

Tỷ giá USDVND ổn định

Trong tuần này, tỷ giá USDVND giảm nhẹ khi đồng USD suy yếu. Cụ thể, tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm 0.06% (tương đương 15đcb) so với tuần trước, ghi nhận ở mức 25,577 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY tăng vào đầu tuần nhưng sau đó quay đầu giảm, chốt tuần ở mức 104.0, giảm 0.04% so với tuần trước. Khối ngoại tiếp tục duy trì vị thế bán ròng trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm phòng ngừa rủi ro tỷ giá, ít nhất là cho đến khi các nỗ lực đàm phán phát huy hiệu quả trong thời gian tới.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T10/24	T11/24	T12/24	T1/25	T2/25	T3/25	Corr. ¹
FDI %n/n	7.6	-6.7	22.1	2.0	9.1	9.8	-0.19
Tổng mức bán lẻ %n/n	9.4	8.4	7.0	9.9	9.4	10.8	-0.17
Xuất khẩu %n/n	10.5	8.4	12.9	-4.0	25.7	14.5	-0.13
Nhập khẩu %n/n	13.8	10.4	19.0	-2.6	40.0	19.0	-0.06
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	2.0	1.1	0.5	3.1	-1.5	1.6	-0.12
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.33	0.13	0.29	0.98	0.34	-0.03	-0.06
Tín dụng %n/n	16.7	16.6	15.1	16.1	15.7	16.3	-0.24
USDVND %t/t	2.91	0.25	0.55	-1.59	1.89	0.14	-0.37
PMI(Điểm)	51.2	50.8	49.8	48.9	49.2	50.5	-0.24
VNINDEX %t/t	-1.8	-1.0	1.5	-0.1	3.2	0.1	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN bơm thanh khoản khiêm tốn	1
II. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm mạnh.....	3
III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ gần như không đổi.....	4
IV. Tỷ giá USDVND ổn định	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

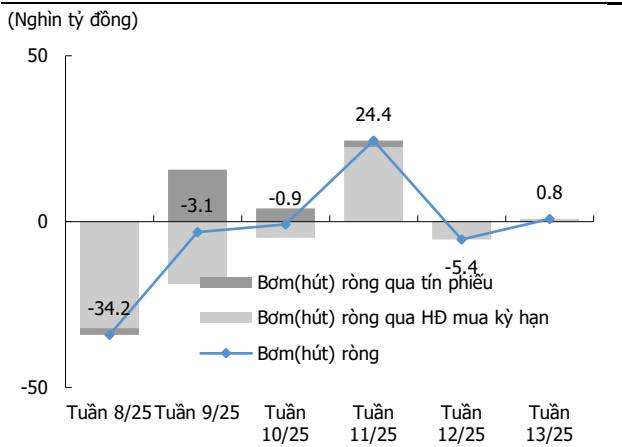
I. NHNN bơm thanh khoản khiêm tốn

NHNN bơm ròng nhẹ nhằm duy trì thanh khoản hệ thống trước áp lực đáo hạn hợp đồng mua kỳ hạn

Trong tuần 13W25 (từ ngày 24 đến 28/3), NHNN ghi nhận hoạt động bơm ròng thanh khoản vào hệ thống ngân hàng ở mức vừa phải. Cụ thể, NHNN đã bơm ròng 0.8 nghìn tỷ đồng thông qua việc phát hành 53.09 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn để bù đắp cho 52.30 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn, trong khi không sử dụng tín phiếu.

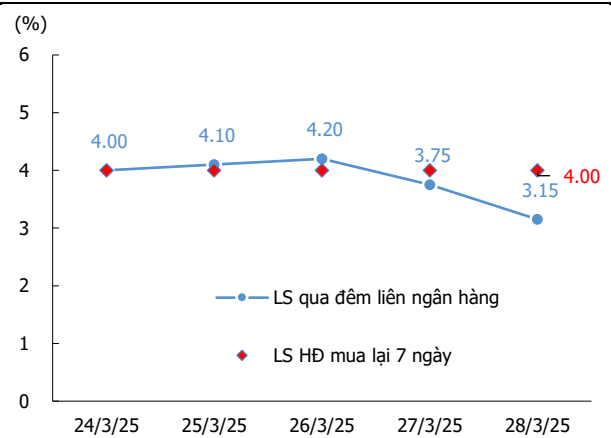
Trong tuần, NHNN tiếp tục duy trì hoạt động hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng; tuy nhiên, do áp lực đáo hạn từ các hợp đồng mua kỳ hạn, quy mô bơm ròng vẫn ở mức không đáng kể. Việc không sử dụng công cụ tín phiếu phản ánh định hướng chính sách nhất quán của NHNN trong việc hỗ trợ thanh khoản hệ thống, tạo điều kiện cho các ngân hàng giảm lãi suất huy động theo tinh thần Chỉ thị 19. Cách tiếp cận này nhằm đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu kinh tế của Chính phủ trong năm nay..

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
24/3/25	31/3/25	7	12.96	4.00
25/3/25	1/4/25	7	12.04	4.00
26/3/25	2/4/25	7	5.05	4.00
27/3/25	3/4/25	7	3.39	4.00
28/3/25	4/4/25	7	1.11	4.00
Tổng		7	34.54	4.00

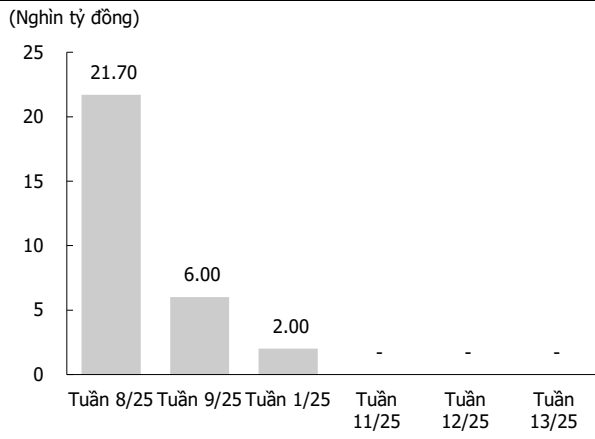
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 14 và 35 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
24/3/25	7/4/25	14	5.83	4.00
25/3/25	8/4/25	14	5.11	4.00
26/3/25	9/4/25	14	3.47	4.00
27/3/25	10/4/25	14	0.66	4.00
28/3/25	11/4/25	14	3.48	4.00
Tổng		14	15.56	4.00

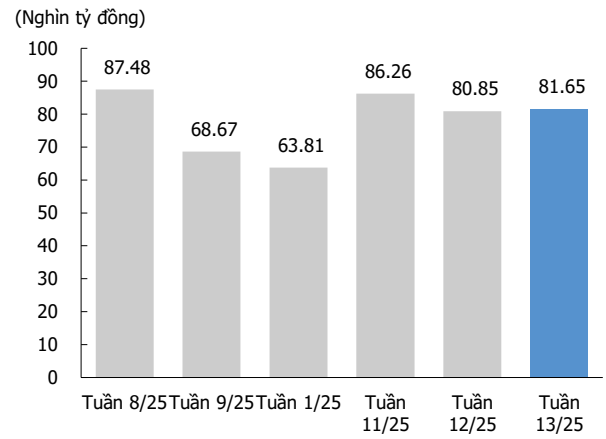
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Tín phiếu đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

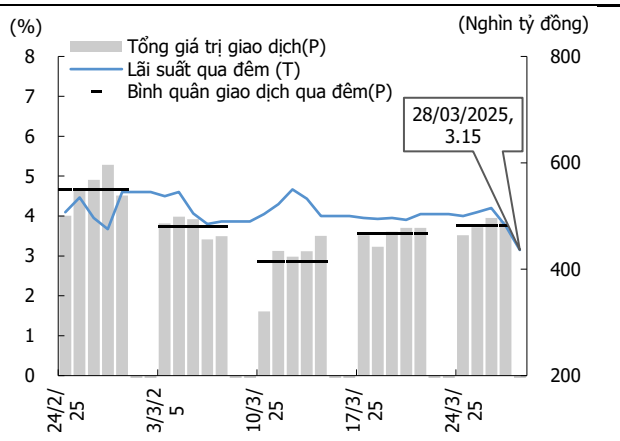
II. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm mạnh

Lãi suất các kỳ hạn ngắn giảm, trong khi các kỳ hạn dài tăng

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn ngắn giảm, trong khi các kỳ hạn dài có xu hướng tăng, đi kèm với sự gia tăng về khối lượng giao dịch so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm, kỳ hạn 2 tuần và 1 tháng lần lượt giảm 90 đcb, 10 đcb và 10 đcb, xuống mức 3.15%, 4.20% và 4.20%. Ngược lại, lãi suất kỳ hạn 6 tháng và 9 tháng tăng lần lượt 10 đcb và 20 đcb, lên mức 4.90% và 5.00%. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 482.37 nghìn tỷ đồng, tăng 3.42% so với tuần trước.

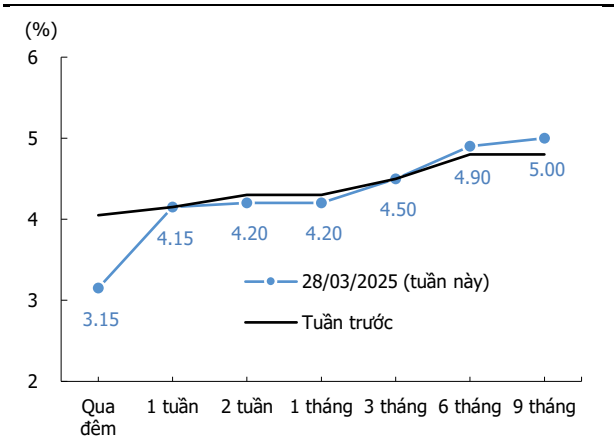
Diễn biến lãi suất liên ngân hàng trong tuần phản ánh áp lực thanh khoản trong hệ thống ngân hàng đã hạ nhiệt, khi NHNN liên tục đảo vòng các hợp đồng mua kỳ hạn với quy mô phù hợp, qua đó giảm áp lực đáo hạn từ các kỳ bơm trước đó. Bên cạnh đó, xu hướng giảm của lãi suất huy động cũng cho thấy áp lực huy động vốn đang giảm dần, góp phần hỗ trợ đà giảm của lãi suất liên ngân hàng. Trong thời gian tới, lãi suất liên ngân hàng được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì xu hướng giảm khi NHNN điều tiết linh hoạt hoạt động trên thị trường mở nhằm hỗ trợ thanh khoản, phù hợp với định hướng chính sách của Chính phủ.

Hình 7. Giao dịch liên ngân hàng



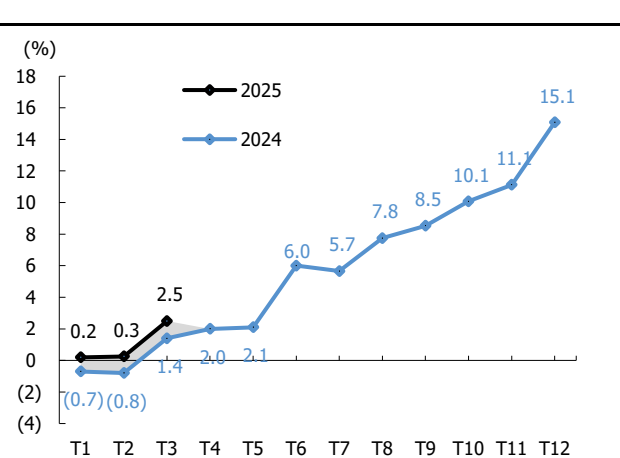
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 8. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

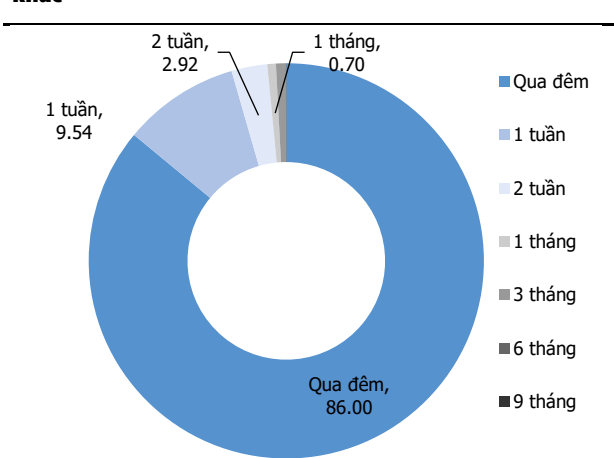
Hình 9. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Ghi chú: Cập nhật đến ngày 25 tháng 3 năm 2025

Hình 10. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



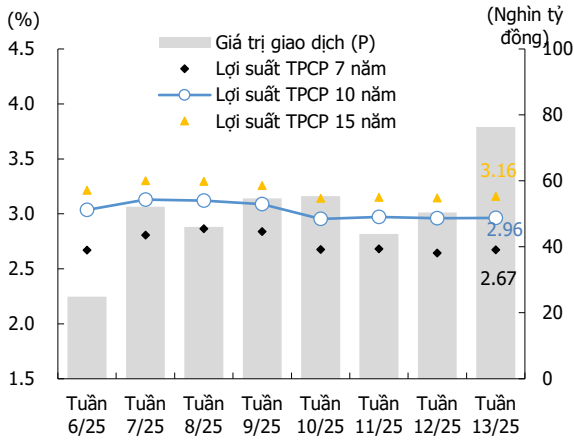
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ gần như không đổi

Lợi suất trái phiếu ổn định trong khi giá trị giao dịch tăng mạnh

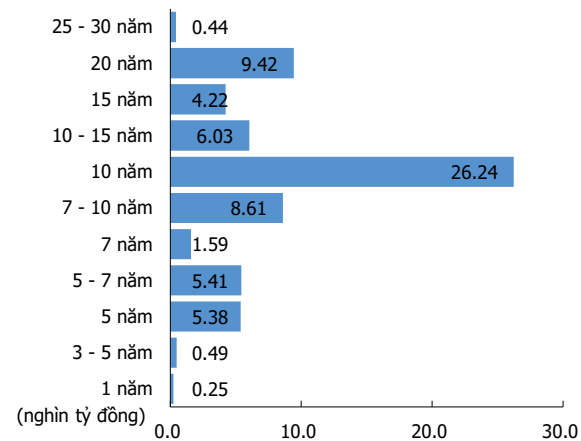
Trong tuần này, lợi suất trái phiếu Chính phủ tăng nhẹ ở các kỳ hạn 7 năm và 15 năm, lần lượt tăng 3đcb và 1đcb lên mức 2.67% và 3.16%, trong khi các kỳ hạn còn lại không thay đổi. Tổng giá trị giao dịch tăng mạnh 51.4% so với tuần trước, với khối lượng giao dịch trung bình đạt 15.26 nghìn tỷ đồng mỗi ngày. Kỳ hạn 10 năm tiếp tục là kỳ hạn được giao dịch nhiều nhất với giá trị 26.24 nghìn tỷ đồng, chiếm 34.4% tổng giao dịch trong tuần.

Hình 11: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



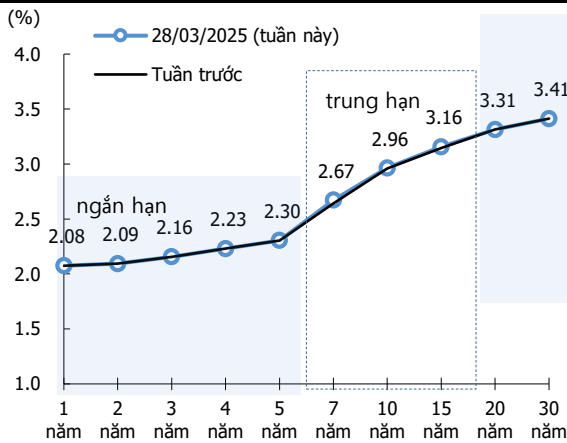
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 12: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



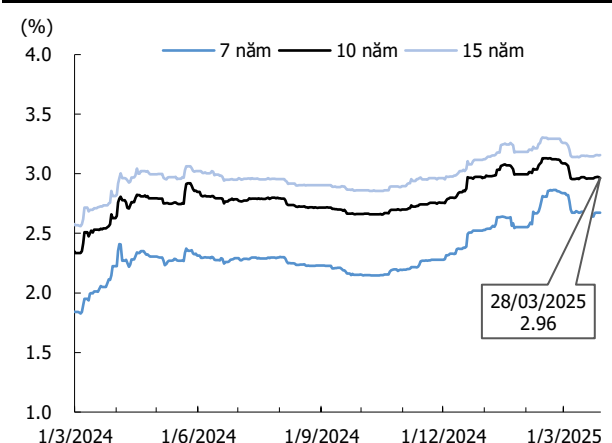
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 13: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

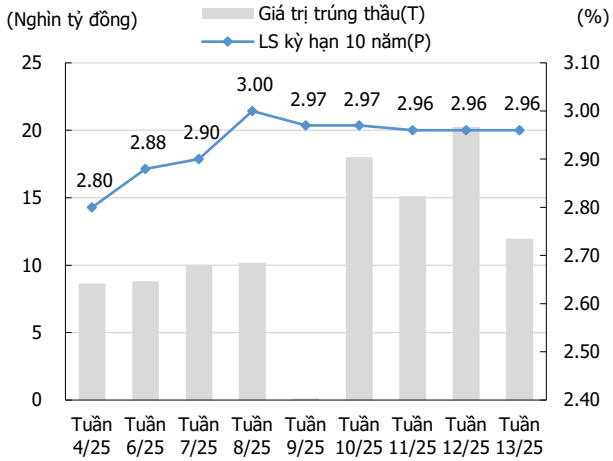
Hình 14: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

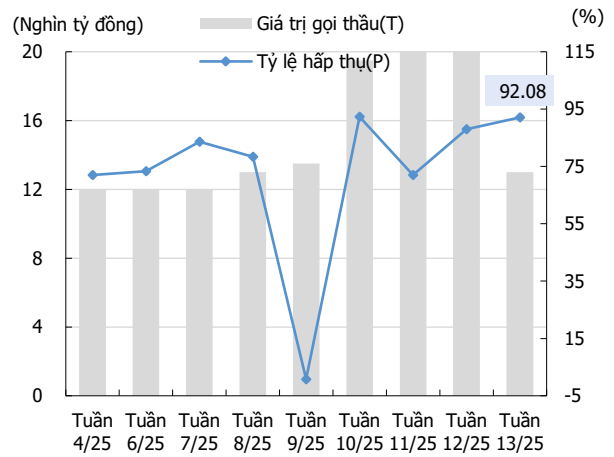
Trên thị trường sơ cấp, tuần 13 của năm 2025 ghi nhận sự chậm lại trong hoạt động phát hành, khi giá trị trúng thầu giảm và lãi suất trúng thầu giữ nguyên. Cụ thể, KBNN đã phát hành 11.97 nghìn tỷ đồng trong tuần, đạt 89% kế hoạch phát hành tuần và giảm 40.8% so với tuần trước đó. Tính đến cuối quý I/2025, KBNN đã phát hành tổng cộng 110.44 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 22.1% mục tiêu cả năm và đạt 99.5% kế hoạch quý I.

Hình 15: Giá trị trúng thầu hàng tuần



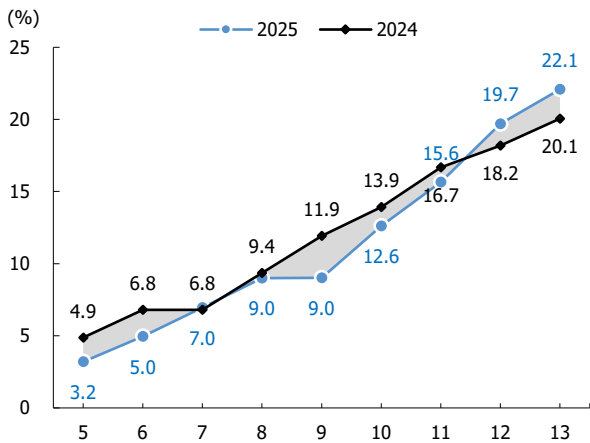
Nguồn: HNX, KIS

Hình 16: Hệ số hấp thụ hàng tuần



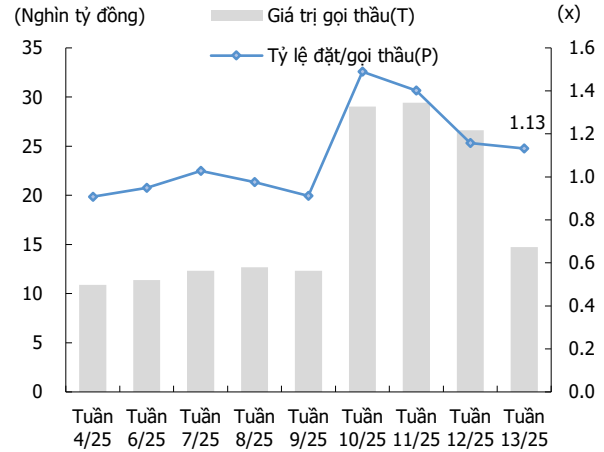
Nguồn: HNX, KIS

Hình 17: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



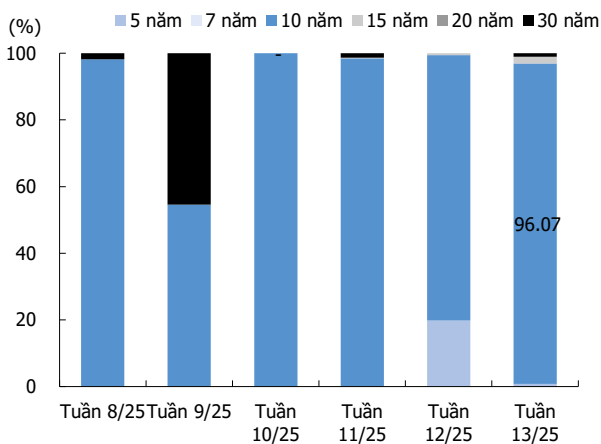
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



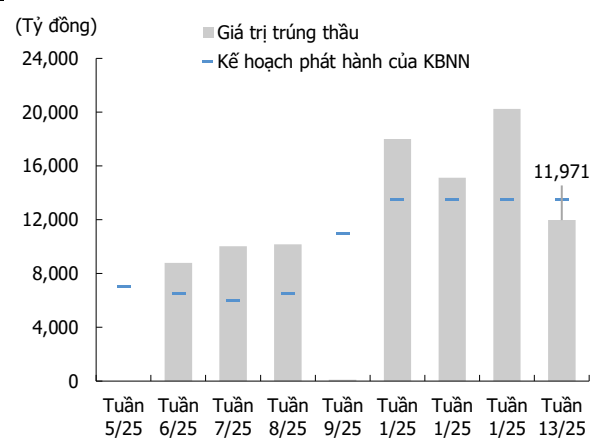
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

IV. Tỷ giá USDVND ổn định

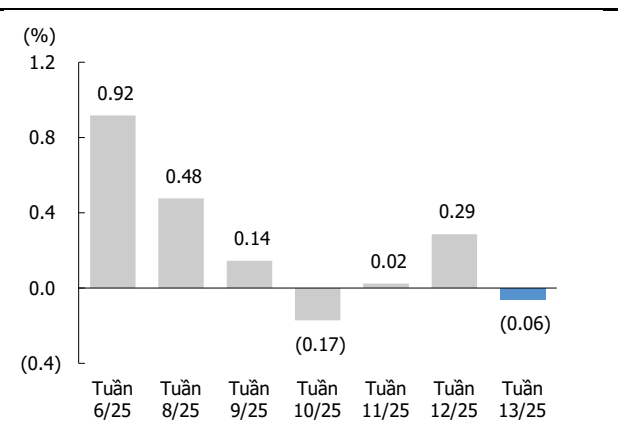
USDVND gần như không thay đổi trước thêm các biện pháp thuế quan

Trong tuần này, tỷ giá USDVND giảm nhẹ khi đồng USD suy yếu. Cụ thể, tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm 0.06% (tương đương 15đcb) so với tuần trước, ghi nhận ở mức 25,577 vào ngày thứ Sáu.

Trên thị trường quốc tế, chỉ số DXY tăng vào đầu tuần nhưng sau đó quay đầu giảm, chốt tuần ở mức 104.0, giảm 0.04% so với tuần trước. Đồng bạc xanh ban đầu tăng giá sau khi ông Trump tuyên bố áp thuế lên các sản phẩm ô tô, nhưng sau đó suy yếu khi chỉ số PCE tăng nóng hơn dự báo, làm dấy lên lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế, ngay trước thêm "Ngày Giải phóng" mà ông Trump dự kiến tổ chức vào ngày 2/4. Như đã đề cập trước đó, Việt Nam có thể trở thành mục tiêu trong danh sách áp thuế trả đũa của Mỹ, điều này có thể tạo áp lực ngắn hạn lên tỷ giá USDVND. Diễn biến này khiến khối ngoại tiếp tục duy trì vị thế bán ròng trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm phòng ngừa rủi ro tỷ giá, ít nhất là cho đến khi các nỗ lực đàm phán phát huy hiệu quả trong thời gian tới.

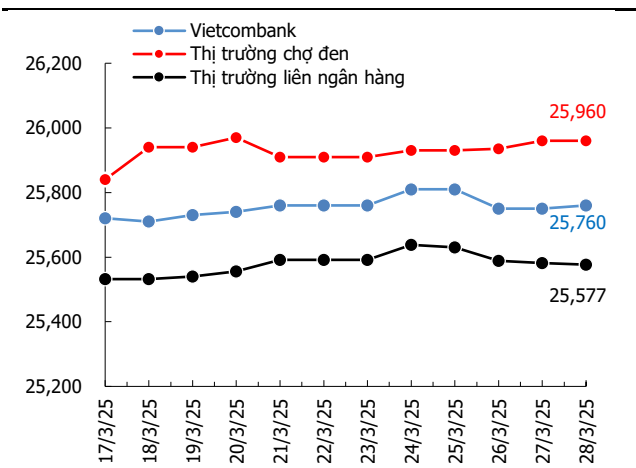
Xét theo các phân khúc thị trường ngoại hối, giá chào bán tại Vietcombank không đổi, trong khi thị trường tự do ghi nhận mức tăng 0.19% (tương đương 50 điểm cơ bản) so với tuần trước. Vào ngày thứ Sáu, giá chào bán tại Vietcombank và thị trường tự do lần lượt ghi nhận ở mức 25,760 và 25,960 đồng cho một USD

Hình 21: Diễn biến của USDVND theo tuần



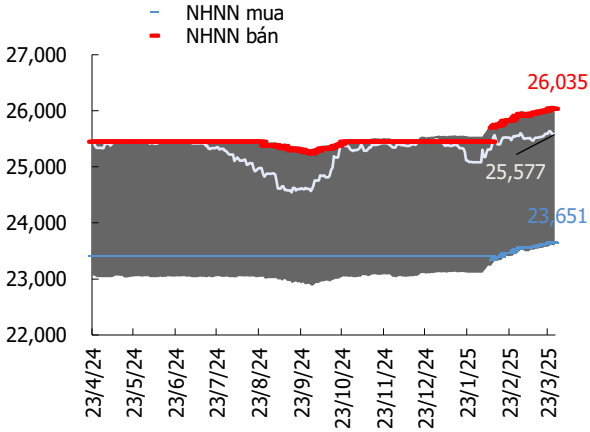
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 22: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



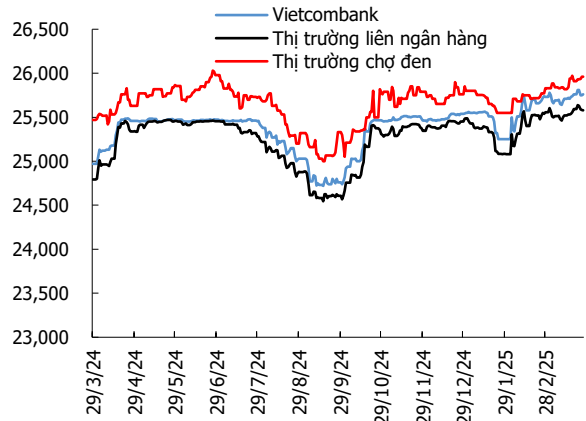
Nguồn: TCTT, KIS

Hình 23: Diễn biến giao dịch của NHNN



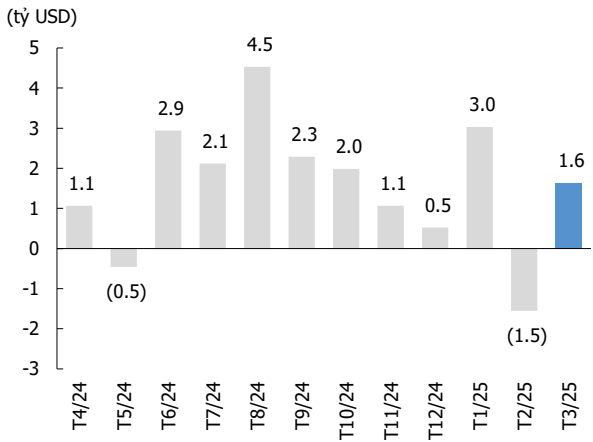
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



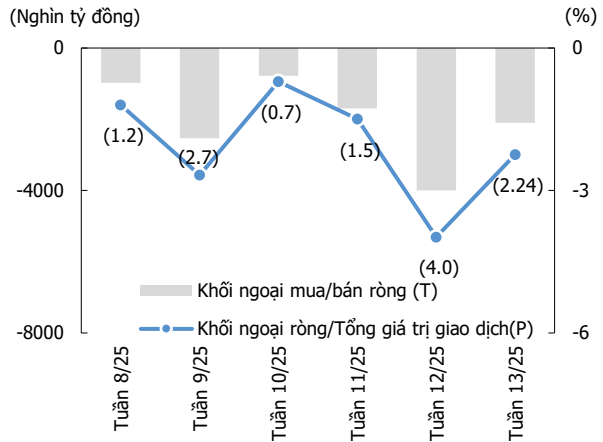
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 25: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



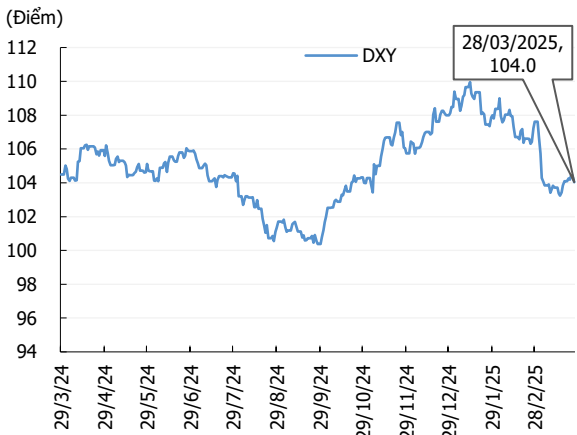
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 6 tháng 4, 2024

Hình 26: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 27: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 28: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

	2024 Thâm hụt thương mại với Mỹ (tỷ USD)		12W25	13W25	2025YTD
Trung Quốc	-295.40	USDCNY	0.20	0.14	-0.51
EU	-235.57	USDEUR	0.56	-0.09	-4.38
Mexico	-171.81	USDMXN	1.54	0.67	-1.87
Việt Nam	-123.46	USDVND	0.29	-0.06	0.35
Canada	-73.93	USDCNY	-0.12	-0.25	-0.78
Đài Loan	-68.47	USDTWD	0.12	0.32	0.68
Nhật Bản	-66.01	USDJPY	0.46	0.35	-4.68
Hàn Quốc	-64.19	USDKRW	0.85	0.25	-0.17

Nguồn: NHNN, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T11/24	T12/24	T1/25	T2/25	T3/25	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	2021	2022	2023	2024
Tăng GDP thực (%)						6.93	7.43	7.55	6.93	2.58	8.02	5.05	7.09
FDI đăng ký (USD bn)	4.12	6.85	4.34	2.57	4.08	9.01	9.59	13.44	10.98	31.15	27.72	36.61	38.23
GDP bình quân (USD)										3,725	4,110	4,285	4,479
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.29	2.23	2.22	2.20	3.22	2.32	2.26	2.24
Xuất khẩu (tỷ USD)	33.73	35.53	32.15	31.11	38.51	98.2	108.6	105.9	102.84	335.7	371.85	355.5	405.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	32.67	35.00	30.92	32.66	36.88	94.0	99.7	101.9	99.68	331.1	360.65	327.5	380.8
Tăng trưởng XK (%)	8.16	12.85	-4.05	25.67	14.49	13.59	15.82	11.46	10.64	18.74	10.61	-4.4	14.3
Tăng trưởng NK (%)	9.81	19.23	-2.32	39.99	18.99	20.65	17.19	14.91	17.03	25.9	8.35	-8.9	16.7
Lạm phát (%)	2.77	2.94	3.63	2.91	3.13	4.39	3.48	2.87	3.22	1.84	3.15	3.25	3.63
USD/VND	25,346	25,386	25,082	25,530	25,565	25,458	24,093	25,386	25,565	22,790	23,650	23,784	25,386
Tăng trưởng tín dụng (%)	16.6	15.1	16.1	15.7	16.3	15.3	16.1	13.8	16.3	13.61	14.2	13.7	13.8
TPCP 10 năm (%)	2.76	2.94	2.99	3.18	3.06	2.81	2.66	2.94	3.06	2.11	5.08	2.39	2.94

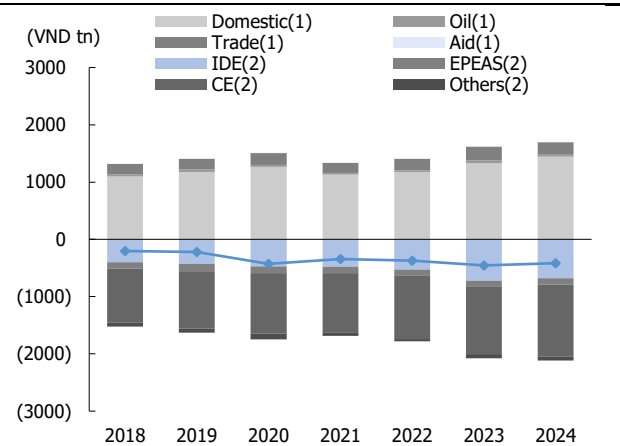
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

**Khái niệm

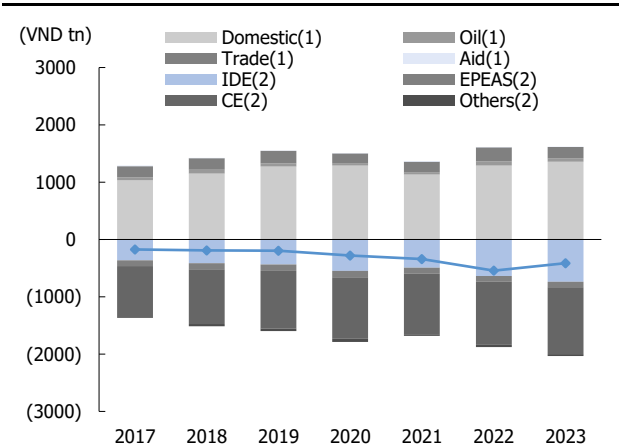
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.96%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 92.08%
- * Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 1.13%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~104.0
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~3.15%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	2Q24	3Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	4.5	7.8
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	97.9	108.2
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	89.3	94.6
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	8.5	13.6
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.5	5.9
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.3	9.8
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	5.4	6.1
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	3.8	3.9
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.1	1.0
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	(6.3)	(2.7)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	5.0	5.2
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	(0.1)
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(1.6)	(0.8)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	(5.2)	(2.6)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(4.4)	(4.2)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(5.1)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	6.1	(0.1)

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This mua kỳ hạnrt has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This mua kỳ hạnrt is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this mua kỳ hạnrt and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this mua kỳ hạnrt or its contents. This mua kỳ hạnrt is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this mua kỳ hạnrt may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.